PHẦN VĂN BẢN KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Công nhận tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Thông tư số 23/2010/TT-BNNPTNT ngày 07/4/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Công nhận tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 5 năm 2010, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 29/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/9/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung Điều 7 Thông tư số 23/2010/TT-BNNPTNT ngày 07/4/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Công nhận tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2014.

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2000;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Nghị định số 75/2009/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Quyết định số 11/2006/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt "Chương trình trọng điểm phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2020";

Căn cứ Quyết định số 97/2007/QĐ-TTg ngày 29/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt "Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực thủy sản đến năm 2020;

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc công nhận tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn như sau:[1]

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về trình tự, thủ tục đăng ký và công nhận tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học áp dụng trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức trong nước và nước ngoài đăng ký công nhận tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học (sau đây gọi chung là Tổ chức đăng ký) và các tổ chức, cá nhân liên quan đến đánh giá, công nhận tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học là những quy trình kỹ thuật, công nghệ và sản phẩm được tạo ra bằng các kỹ thuật, công nghệ và phương pháp của công nghệ sinh học đáp ứng được các yêu cầu và điều kiện theo quy định của Thông tư này được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quyết định công nhận và cho phép áp dụng trong sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam.

---

[1] Thông tư số 29/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/9/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung Điều 7 Thông tư số 23/2010/TT-BNNPTNT ngày 07/4/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Công nhận tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 69/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định về an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền và sản phẩm của sinh vật biến đổi gen;

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 11/2006/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt "Chương trình trọng điểm phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2020";

Căn cứ Quyết định số 97/2007/QĐ-TTg ngày 29 tháng 6 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt "Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực thủy sản đến năm 2020;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Trồng trọt, Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Điều 7 Thông tư số 23/2010/TT-BNNPTNT ngày 07/4/2010 về công nhận tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn."

2. Hội đồng khoa học công nghệ cơ sở là Hội đồng khoa học công nghệ do tổ chức có tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học đăng ký công nhận thành lập hoặc Hội đồng khoa học công nghệ của đơn vị sự nghiệp khoa học công nghệ chuyên ngành được tổ chức có tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học đăng ký công nhận đề nghị thành lập. Hội đồng khoa học công nghệ cơ sở có nhiệm vụ đánh giá kết quả nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm và đề nghị công nhận hoặc không đề nghị công nhận tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học trên cơ sở hồ sơ đăng ký theo quy định của Thông tư này.

3. Tổ chức/Đơn vị/Cơ sở khảo, kiểm nghiệm được công nhận hoặc chỉ định là các tổ chức khoa học công nghệ, đơn vị sự nghiệp hoặc tổ chức dịch vụ khoa học công nghệ được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền công nhận đủ điều kiện hoặc chỉ định thực hiện khảo, kiểm nghiệm công nhận giống cây trồng, vật nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, sản phẩm cải tạo đất, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, vaccin, sản phẩm sử dụng trong bảo quản, chế biến nông, lâm thủy sản và xử lý môi trường.

Chương II
ĐĂNG KÝ CÔNG NHẬN TIẾN BỘ KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SINH HỌC

Điều 4. Điều kiện đăng ký

1. Tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học tạo ra ở Việt Nam

Tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học tạo ra ở Việt Nam được đăng ký công nhận khi đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a) Là kết quả nghiên cứu nhiệm vụ khoa học công nghệ (đề tài, dự án) cấp nhà nước, cấp bộ hoặc tương đương đã nghiệm thu và được Hội đồng khoa học công nghệ nghiệm thu đề nghị công nhận;

b) Là một phần kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp nhà nước, cấp bộ hoặc tương đương được Hội đồng khoa học công nghệ cơ sở đề nghị công nhận;

c) Kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học công nghệ do các tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp, tổ chức xã hội nghề nghiệp thực hiện, đã nghiệm thu và được Hội đồng khoa học công nghệ cơ sở đề nghị xem xét công nhận.

2. Tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học tạo ra ở nước ngoài

Các tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học tạo ra ở nước ngoài được đăng ký công nhận khi đã sử dụng có hiệu quả ở nước ngoài và nằm trong danh mục công nghệ cao và sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích chuyển giao và sử dụng tại Việt Nam theo các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 5. Trình tự, thủ tục đăng ký công nhận

1. Hồ sơ đăng ký công nhận tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học tạo ra ở Việt Nam (dưới đây gọi tắt là hồ sơ đăng ký) bao gồm các tài liệu sau:

a) Đăng ký công nhận tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học *(Phụ lục 1)*;

b) Báo cáo kết quả nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm của Tổ chức đăng ký *(Phụ lục 2)*;

c) Ý kiến nhận xét bằng văn bản của các tổ chức, cá nhân áp dụng tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học *(Phụ lục 3)*;

d) Quyết định thành lập Hội đồng khoa học công nghệ nghiệm thu hoặc Hội đồng khoa học công nghệ cơ sở, Biên bản họp Hội đồng khoa học công nghệ nghiệm thu hoặc biên bản họp của Hội đồng khoa học công nghệ cơ sở quy định tại Khoản 1 Điều 4 của Thông tư này;

đ) Các kết quả khảo, kiểm nghiệm giống cây trồng, vật nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, sản phẩm cải tạo đất, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, vaccin, sản phẩm sử dụng trong bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản và xử lý môi trường theo yêu cầu của các quy định hiện hành do Tổ chức đăng ký thực hiện đối với tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học được tạo ra từ các nhiệm vụ khoa học công nghệ do ngân sách Nhà nước tài trợ hoặc do Tổ chức/Đơn vị/Cơ sở khảo, kiểm nghiệm được công nhận hoặc chỉ định thực hiện;

e) Ngoài các tài liệu quy định tại các mục từ a đến đ nêu trên, trường hợp tiến bộ kỹ thuật đăng ký là giống cây trồng, vật nuôi, vi sinh vật biến đổi gen và sản phẩm của sinh vật biến đổi gen, hồ sơ đăng ký phải có thêm bản sao các văn bản chứng nhận an toàn sinh học của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

g) Các tài liệu khác liên quan (nếu có).

2. Hồ sơ đăng ký công nhận tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học tạo ra ở nước ngoài gồm các tài liệu sau:

a) Đăng ký công nhận tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học *(Phụ lục 1)*;

b) Báo cáo kết quả nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm của Tổ chức đăng ký *(Phụ lục 2)*;

c) Tài liệu công nhận tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học hoặc tương đương tại nơi có nguồn gốc xuất xứ;

d) Các kết quả khảo, kiểm nghiệm giống cây trồng, vật nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, sản phẩm cải tạo đất, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, vaccin, sản phẩm sử dụng trong bảo quản, chế biến nông, lâm thủy sản và xử lý môi trường theo yêu cầu của các quy định hiện hành do Tổ chức/Đơn vị/Cơ sở khảo, kiểm nghiệm được công nhận hoặc chỉ định thực hiện;

đ) Ngoài các tài liệu quy định tại các mục từ a đến d nêu trên, trường hợp tiến bộ kỹ thuật đăng ký là giống cây trồng, vật nuôi, vi sinh vật biến đổi gen và sản phẩm của sinh vật biến đổi gen, hồ sơ đăng ký phải có thêm bản sao các văn bản chứng nhận an toàn sinh học của cơ quan quản lý nhà nước Việt Nam có thẩm quyền;

e) Các tài liệu khác liên quan (nếu có).

3. Gửi và tiếp nhận hồ sơ đăng ký

a) Hồ sơ đăng ký là các tài liệu quy định tại khoản 1 và 2 điều này, đóng gói trong túi hồ sơ có niêm phong gồm một (01) hồ sơ gốc và 10 bản sao hồ sơ gốc, gửi tới Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp;

b) Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường xác nhận và thông báo bằng văn bản cho Tổ chức đăng ký biết hồ sơ đáp ứng yêu cầu đã được tiếp nhận;

c) Trường hợp hồ sơ đăng ký chưa đầy đủ, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường yêu cầu Tổ chức đăng ký bổ sung. Thời gian chờ đợi cung cấp thông tin bổ sung không được tính vào thời gian xác nhận hồ sơ.

Chương III
CÔNG NHẬN, ĐÌNH CHỈ, HỦY BỎ TIẾN BỘ KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SINH HỌC

Điều 6. Điều kiện công nhận đối với tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học

Tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học được công nhận khi đáp ứng các điều kiện sau:

1. Hiệu quả kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường và vệ sinh an toàn thực phẩm cao hơn so với kỹ thuật, công nghệ và sản phẩm đang sử dụng phổ biến trong sản xuất.

2. Phù hợp yêu cầu sản xuất (cơ cấu cây trồng, mùa vụ; giảm mức độ nhiễm sâu bệnh; sản xuất sạch, thân thiện môi trường, thích ứng, né tránh điều kiện ngoại cảnh bất thuận, có tính cạnh tranh cao hơn, bảo vệ sức khỏe con người, phát triển ngành nghề truyền thống, chất lượng sản phẩm tốt hơn, phù hợp với điều kiện sản xuất, phong tục tập quán và một số lợi thế khác).

3. Đã được khảo, kiểm nghiệm đáp ứng các quy định hiện hành về khảo, kiểm nghiệm công nhận giống cây trồng, vật nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, sản phẩm cải tạo đất, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, vaccin, sản phẩm sử dụng trong bảo quản, chế biến nông, lâm thủy sản và xử lý môi trường.

4. Giống cây trồng, vật nuôi, vi sinh vật biến đổi gen và sản phẩm của cây trồng, vật nuôi, vi sinh vật biến đổi gen chỉ được công nhận là Tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền Việt Nam cấp giấy chứng nhận an toàn đối với đa dạng sinh học, môi trường và/hoặc giấy xác nhận đủ điều kiện làm thực phẩm hoặc thức ăn chăn nuôi.

Điều 7. Công nhận đặc cách

1. Đối với Tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học đăng ký công nhận là kết quả của nhiệm vụ khoa học công nghệ (đề tài, dự án) cấp nhà nước, cấp bộ hoặc tương đương đã nghiệm thu và được Hội đồng khoa học công nghệ nghiệm thu đề nghị công nhận, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường căn cứ hồ sơ đăng ký trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quyết định công nhận trong thời gian 5 ngày làm việc kể từ ngày chấp nhận hồ sơ đăng ký.

2.[2] Đối với tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học đăng ký là giống cây trồng đã nằm trong Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất kinh doanh tại Việt Nam (sau đây gọi là giống nền) có chứa một hoặc tổ hợp một số sự kiện chuyển gen đã được cấp Giấy chứng nhận an toàn sinh học và Giấy xác nhận thực vật biến đổi gen đủ điều kiện sử dụng làm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi (sau đây gọi là giống cây trồng biến đổi gen) được xem xét công nhận đặc cách khi giống cây trồng biến đổi gen đảm bảo các điều kiện sau đây:

a) Đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6 Thông tư này;

b) Giống cây trồng biến đổi gen tương đồng với giống nền về các tính trạng hình thái đặc trưng chủ yếu, trừ những tính trạng bị tác động bởi sự kiện chuyển gen.

3.[3] Trường hợp giống cây trồng biến đổi gen đã được khảo nghiệm so sánh với giống nền đồng thời với quá trình khảo nghiệm đánh giá rủi ro: Tổ chức có giống cây trồng biến đổi gen lập hồ sơ đăng ký công nhận đặc cách theo quy định tại khoản 5 Điều này.

4.[4] Trường hợp giống cây trồng biến đổi gen chưa được khảo nghiệm so sánh với giống nền:

---

[2] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 29/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/9/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung Điều 7 Thông tư số 23/2010/TT-BNNPTNT ngày 07/4/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Công nhận tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2014.

[3] Khoản này được bổ sung theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 29/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/9/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung Điều 7 Thông tư số 23/2010/TT-BNNPTNT ngày 07/4/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Công nhận tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2014.

[4] Khoản này được bổ sung theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 29/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/9/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung Điều 7 Thông tư số 23/2010/TT-BNNPTNT ngày 07/4/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Công nhận tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2014.

a) Tổ chức có giống cây trồng biến đổi gen xây dựng kế hoạch khảo nghiệm so sánh, bao gồm khảo nghiệm so sánh diện hẹp và diện rộng theo mẫu quy định tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư này gửi về Cục Trồng trọt;

b) Tổ chức có giống cây trồng biến đổi gen hợp đồng với cơ sở khảo nghiệm được chỉ định để thực hiện khảo nghiệm so sánh diện hẹp ít nhất 01 vụ sản xuất tại 02 địa điểm;

c) Tổ chức có giống cây trồng biến đổi gen thực hiện khảo nghiệm so sánh diện rộng tại các vùng sinh thái nông nghiệp khuyến cáo sử dụng giống, mỗi vùng ít nhất 01 vụ, tại 01 địa điểm, quy mô tối thiểu 01 hecta/01 điểm;

d) Khảo nghiệm so sánh diện hẹp có thể tiến hành trước hoặc đồng thời với khảo nghiệm so sánh diện rộng;

đ) Trong quá trình khảo nghiệm so sánh, Cục Trồng trọt chủ trì, phối hợp với Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiến hành kiểm tra và lập biên bản tại địa điểm khảo nghiệm;

e) Kết thúc khảo nghiệm, tổ chức có giống cây trồng biến đổi gen lập hồ sơ đăng ký công nhận đặc cách theo quy định tại khoản 5 Điều này.

5.[5] Hồ sơ đăng ký công nhận đặc cách

Tổ chức có giống cây trồng biến đổi gen gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về Cục Trồng trọt 01 bộ hồ sơ đăng ký công nhận đặc cách giống cây trồng biến đổi gen. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đăng ký công nhận đặc cách giống cây trồng biến đổi gen theo mẫu quy định tại Phụ lục 8 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Báo cáo kết quả khảo nghiệm so sánh giống cây trồng biến đổi gen và giống nền theo mẫu quy định tại Phụ lục 9 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Các tài liệu khác liên quan (nếu có).

6.[6] Trình tự, thời gian công nhận đặc cách:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Trồng trọt xem xét hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho tổ chức đăng ký về việc chấp nhận hồ sơ hợp lệ hoặc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian xem xét hồ sơ hợp lệ;

---

[5] Khoản này được bổ sung theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 29/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/9/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung Điều 7 Thông tư số 23/2010/TT-BNNPTNT ngày 07/4/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Công nhận tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2014.

[6] Khoản này được bổ sung theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 29/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/9/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung Điều 7 Thông tư số 23/2010/TT-BNNPTNT ngày 07/4/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Công nhận tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2014.

b) Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Trồng trọt thẩm định hồ sơ, thành lập Hội đồng đánh giá công nhận đặc cách tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học là giống cây trồng biến đổi gen.

Thành phần Hội đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư này. Thành viên Hội đồng đánh giá hồ sơ đăng ký theo biểu mẫu tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này và gửi về Cục Trồng trọt muộn nhất là 01 ngày trước phiên họp của Hội đồng. Quy trình làm việc của Hội đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này. Cục Trồng trọt xem xét ý kiến của Hội đồng; trường hợp chưa đủ điều kiện công nhận, phải có văn bản trả lời cho tổ chức đăng ký, nêu rõ lý do;

c) Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày hồ sơ đăng ký đã được hoàn thiện theo kết luận của Hội đồng, Cục Trồng trọt gửi Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường hồ sơ trình Bộ trưởng cho ý kiến về việc công nhận đặc cách tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học là giống cây trồng biến đổi gen. Hồ sơ gồm: Tờ trình Bộ trưởng, trong đó nêu rõ: sự cần thiết, quá trình thực hiện, tóm tắt kết quả khảo nghiệm, đánh giá, đề xuất công nhận đặc cách; Biên bản họp Hội đồng; Báo cáo thẩm định của Cục Trồng trọt; Hồ sơ đăng ký công nhận đặc cách; Dự thảo Quyết định công nhận đặc cách tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học là giống cây trồng biến đổi gen;

d) Trong thời gian 05 ngày làm việc kể, từ ngày nhận được hồ sơ trình Bộ trưởng, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì, phối hợp với Vụ Pháp chế thẩm tra, thẩm định tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; việc thực hiện trình tự, thời gian công nhận đặc cách. Trường hợp, đáp ứng theo quy định, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình Bộ trưởng cho ý kiến đến chấp thuận công nhận đặc cách tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học là giống cây trồng biến đổi gen;

đ) Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày Bộ trưởng có ý kiến chấp thuận, Cục Trồng trọt ban hành Quyết định công nhận đặc cách tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học là giống cây trồng biến đổi gen; trường hợp chưa đủ điều kiện công nhận, phải có văn bản trả lời cho tổ chức đăng ký, nêu rõ lý do.”

Điều 8. Công nhận thông qua Tổ chuyên gia tư vấn độc lập

1. Trong trường hợp cần thiết, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập Tổ chuyên gia tư vấn độc lập (dưới đây gọi tắt là Tổ chuyên gia) đánh giá hồ sơ đăng ký tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học là kết quả của nhiệm vụ khoa học công nghệ (đề tài, dự án) cấp nhà nước, cấp bộ hoặc tương đương đã nghiệm thu và được Hội đồng khoa học công nghệ nghiệm thu đề nghị công nhận. Tổ chuyên gia có từ 3 người đến 5 người là những người am hiểu về lĩnh vực đề nghị công nhận, gồm: 01 Tổ trưởng, 01 Thư ký và các thành viên; trong đó không có đại diện của Tổ chức đăng ký.

2. Quy trình làm việc của Tổ chuyên gia:

a) Thư ký hội Tổ chuyên gia đọc quyết định thành lập Tổ chuyên gia và giới thiệu đại biểu tham dự;

b) Tổ trưởng Tổ chuyên gia chủ trì phiên họp theo trình tự sau:

- Các thành viên Tổ chuyên gia đọc nhận xét, đánh giá hồ sơ đăng ký theo biểu mẫu *(Phụ lục 4)*;

- Thư ký Tổ chuyên gia đọc phiếu nhận xét của thành viên vắng mặt (nếu có) để Tổ chuyên gia đọc tham khảo;

- Tổ chuyên gia thảo luận và tiến hành bỏ phiếu đánh giá đối với tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học đăng ký công nhận;

- Tổ trưởng Tổ chuyên gia công bố kết quả bỏ phiếu và dự thảo kết luận đánh giá tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học đăng ký công nhận;

- Tổ chuyên gia thảo luận để thống nhất nội dung kết luận và thông qua biên bản phiên họp của Tổ chuyên gia theo biểu mẫu *(Phụ lục 5)*;

3. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường căn cứ ý kiến kết luận của Tổ chuyên gia trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quyết định công nhận trong thời gian 5 ngày làm việc kể từ ngày Hồ sơ đăng ký đã được hoàn thiện theo kết luận của Tổ chuyên gia.

Điều 9. Công nhận thông qua Hội đồng khoa học công nghệ

1. Đối với tiến bộ kỹ thuật là một phần kết quả của nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp nhà nước, cấp bộ hoặc tương đương; kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học công nghệ do các tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp, tổ chức xã hội nghề nghiệp đã nghiệm thu và được Hội đồng khoa học công nghệ cơ sở đề nghị công nhận, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường căn cứ hồ sơ đăng ký, trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập Hội đồng khoa học công nghệ đánh giá tiến bộ kỹ thuật (dưới đây gọi tắt là Hội đồng), gồm 7 - 9 thành viên là những người am hiểu về lĩnh vực đề nghị công nhận, trong đó có 01 Chủ tịch, 01 Thư ký và 02 ủy viên phản biện. Số thành viên Hội đồng là đại diện của doanh nghiệp, địa phương, cơ quan quản lý không quá 50%. Trong trường hợp cần thiết, thành viên Hội đồng có thể là cán bộ đang công tác tại Tổ chức đăng ký, nhưng không quá 01 người và không được làm Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc chuyên gia phản biện. Thành viên Hội đồng đánh giá hồ sơ đăng ký theo biểu mẫu tại Phụ lục 4 và gửi về Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường muộn nhất là 01 ngày trước phiên họp của Hội đồng.

2. Quy trình làm việc của Hội đồng:

a) Thư ký Hội đồng đọc quyết định thành lập và giới thiệu đại biểu tham dự;

b) Chủ tịch Hội đồng chủ trì phiên họp theo trình tự sau:

- Đại diện Tổ chức đăng ký trình bày tóm tắt nội dung tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học;

- Các ủy viên phản biện đọc phiếu nhận xét đánh giá hồ sơ đăng ký;

- Thư ký Hội đồng đọc phiếu nhận xét của thành viên vắng mặt (nếu có) để hội đồng tham khảo;

- Thành viên Hội đồng nêu câu hỏi đối với Tổ chức đăng ký về nội dung tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học;

- Đại diện Tổ chức đăng ký trả lời các câu hỏi của Hội đồng;

- Hội đồng thảo luận và tiến hành bỏ phiếu đánh giá đối với tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học đăng ký công nhận;

- Hội đồng bầu ban kiểm phiếu gồm 3 thành viên, trong đó có một trưởng ban;

- Trưởng ban kiểm phiếu thông báo kết quả kiểm phiếu;

- Chủ tịch Hội đồng dự thảo kết luận đánh giá tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học đăng ký công nhận;

- Hội đồng thảo luận để thống nhất nội dung kết luận và thông qua biên bản phiên họp của Hội đồng theo biểu mẫu *(Phụ lục 6)*;

3. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường căn cứ ý kiến kết luận của Hội đồng, trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quyết định công nhận trong thời gian 5 ngày làm việc kể từ ngày Hồ sơ đăng ký đã được hoàn thiện theo kết luận của Hội đồng.

Điều 10. Tạm dừng và khôi phục hiệu lực thi hành quyết định công nhận

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học và có quyền tạm dừng, khôi phục hiệu lực thi hành quyết định công nhận.

2. Tạm dừng hiệu lực thi hành quyết định công nhận tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học khi vi phạm một trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ chức có tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học được không thực hiện trách nhiệm tại khoản 2 Điều 12 của Thông tư này;

b) Tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học sau một thời gian áp dụng trong thực tế không đáp ứng được các yêu cầu quy định tại khoản a, b Điều 5 của Thông tư này hoặc gây ảnh hưởng xấu đến sản xuất, đời sống, môi trường;

c) Vi phạm các quy định có liên quan của Luật Sở hữu trí tuệ.

3. Khi có dấu hiệu phi phạm, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường tổ chức xác định vi phạm và trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quyết định tạm dừng hiệu lực thi hành quyết định công nhận tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học.

4. Quyết định công nhận tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học được khôi phục hiệu lực thi hành khi tổ chức, cá nhân có tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học bị tạm dừng đã khắc phục được lý do tạm dừng quy định tại khoản 2 điều này. Trình tự thủ tục khôi phục hiệu lực thi hành quyết định công nhận tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học như sau:

a) Tổ chức có tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học nộp báo cáo kết quả khắc phục lý do tạm dừng hiệu lực thi hành quyết định công nhận tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học về Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường;

b) Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường tổ chức xác định kết quả khắc phục lý do tạm dừng hiệu lực thi hành và trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quyết định khôi phục hiệu lực thi hành quyết định công nhận tiến bộ kỹ thuật.

Điều 11. Hủy bỏ hiệu lực quyết định công nhận

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học và có quyền hủy bỏ hiệu lực thi hành quyết định công nhận.

2. Quyết định công nhận tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học bị hủy bỏ trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ chức có tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học tự nguyện đề nghị hủy bỏ;

b) Sau khi áp dụng trong thực tế, tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học không còn đáp ứng được các yêu cầu quy định tại khoản a, b Điều 5 của Thông tư này và gây hậu quả xấu đến sản xuất, đời sống, môi trường mà không thể khắc phục được;

c) Sau thời hạn 01 tháng kể từ khi quyết định tạm dừng có hiệu lực thi hành mà tổ chức có tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học bị tạm dừng không khắc phục được lý do tạm dừng quy định tại khoản 2 Điều 10 của Thông tư này.

Điều 12. Quyền và trách nhiệm của tổ chức có tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học được công nhận

1. Quyền của tổ chức có tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học được công nhận:

a) Được quảng cáo, công bố, áp dụng tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học vào sản xuất, chuyển giao, chuyển nhượng và các quyền lợi theo quy định của pháp luật;

b) Khiếu nại, tố cáo về các hành vi vi phạm về quyền hợp pháp theo quy định của pháp luật và quy định tại khoản 1 của điều này trong việc đánh giá không đúng tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học của mình.

2. Trách nhiệm của tổ chức có tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học:

a) Cung cấp các tài liệu, vật liệu cần thiết về tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học đã được công nhận khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Hướng dẫn quy trình kỹ thuật áp dụng tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học cho tổ chức, cá nhân được chuyển giao;

c) Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định hiện hành của Nhà nước;

d) Không được thực hiện các quyền quy định tại khoản 1 điều này trong thời gian tạm dừng hiệu lực thi hành quyết định công nhận tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học.

Điều 13. Kinh phí cho hoạt động đánh giá, công nhận tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học

1. Tổ chức đăng ký phải nộp các khoản chi phí liên quan đến việc đánh giá, công nhận tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học theo quy định. Trường hợp chưa có quy định của nhà nước thì chi phí do các bên thỏa thuận.

2. Chi phí cho hoạt động đánh giá công nhận tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học được thực hiện theo quy định hiện hành về nghiệm thu nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp nhà nước.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường

1. Tiếp nhận, tổ chức đánh giá hồ sơ đăng ký, trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quyết định công nhận tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học, quyết định tạm dừng, khôi phục hoặc hủy bỏ quyết định công nhận tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học.

2. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm trong đăng ký, công nhận và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học theo quy định của Thông tư này.

3. Tổng hợp, báo cáo định kỳ (6 tháng, báo báo năm) và đột xuất theo yêu cầu của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kết quả đăng ký, công nhận tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học.

4. Phối hợp với các Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức kiểm tra, đánh giá tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học áp dụng trong sản xuất.

Điều 15. Trách nhiệm của các Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành

1. Chỉ đạo triển khai, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học được công nhận thuộc lĩnh vực chuyên ngành trong phạm vi cả nước.

2. Chủ trì và phối hợp với Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức kiểm tra, đánh giá tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học áp dụng trong sản xuất và đề nghị hình thức khen thưởng cho các tổ chức có tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học ứng dụng có hiệu quả trong nông nghiệp và phát triển nông thôn.

3. Tổng hợp, báo cáo định kỳ (6 tháng, báo báo năm) và đột xuất theo yêu cầu của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Thông qua Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường) về kết quả áp dụng tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học trong lĩnh vực quản lý.

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Chỉ đạo triển khai và giám sát việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học trên địa bàn.

2. Kiểm tra, đánh giá kết quả áp dụng tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học trên địa bàn.

3. Tổng hợp, báo cáo định kỳ báo cáo định kỳ (6 tháng, báo báo năm) và đột xuất theo yêu cầu của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kết quả áp dụng tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học trên địa bàn.

Điều 17. Điều khoản thi hành[7]

1. Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc đề nghị các địa phương, tổ chức, cá nhân báo cáo phản ánh kịp thời về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xem xét, sửa đổi, bổ sung./.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Số: 02/VBHN-BNNPTNT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 08 tháng 01 năm 2016

BỘ TRƯỞNG

Cao Đức Phát

---

[7] Điều 2 của Thông tư số 29/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/9/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung Điều 7 Thông tư số 23/2010/TT-BNNPTNT ngày 07/4/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Công nhận tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2014 quy định như sau:

"Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2014.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cục Trồng trọt) để được kịp thời phối hợp xem xét, giải quyết./."

Phụ lục 1. Mẫu đăng ký công nhận tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học
(Ban hành kèm theo Thông tư /2010/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐĂNG KÝ
CÔNG NHẬN TIẾN BỘ KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SINH HỌC

Kính gửi: Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường

Tổ chức đăng ký:

Tên người đứng đầu tổ chức:

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại: **Fax:**

E-mail: **Website.....**

Căn cứ Thông tư số....., ngày..... tháng..... năm..... của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công nhận tiến bộ kỹ thuật trong lĩnh vực công nghệ sinh học của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chúng tôi đăng ký công nhận tiến bộ kỹ thuật mới như sau:

1. Tên tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học

2. Nguồn gốc/tác giả của tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học

3. Lĩnh vực áp dụng (giống cây trồng, vật nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, sản phẩm cải tạo đất, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, vaccin, sản phẩm sử dụng trong bảo quản, chế biến nông, lâm thủy sản và xử lý môi trường)

4. Dự kiến địa bàn và thời gian áp dụng

Hồ sơ đăng ký công nhận tiến bộ kỹ thuật gồm *(kê khai theo Điều 6 của Thông tư)*:

1.

2...

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm các thủ tục công nhận tiến bộ kỹ thuật đối với..... để được áp dụng vào sản xuất./.

....., ngày..... tháng..... năm.....
Tổ chức đăng ký
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 2. Mẫu báo cáo kết quả nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm

(Ban hành kèm theo Thông tư /2010/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

BÁO CÁO
KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU, SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM

1. Thông tin chung

Tên tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học

Nguồn gốc/tác giả của tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học

Lĩnh vực áp dụng (làm giống cây trồng, vật nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, sản phẩm cải tạo đất, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, vaccin, sản phẩm sử dụng trong bảo quản, chế biến nông, lâm thủy sản và xử lý môi trường)

Tổ chức đăng ký:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E-mail:

2. Quá trình nghiên cứu, phát triển

3. Nội dung tiến bộ kỹ thuật (trình bày rõ đặc điểm, tính chất, chỉ tiêu chất lượng, đặc tính kỹ thuật, quy trình và điều kiện áp dung tiến bộ kỹ thuật)

3. Địa điểm, thời gian và quy mô đã áp dụng

3. Giá trị khoa học

4. Hiệu quả kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường và vệ sinh an toàn thực phẩm

5. Khả năng phù hợp với yêu cầu sản xuất

6. Kết quả khảo, kiểm nghiệm

7. Kết luận về ưu điểm, tồn tại

8. Đề nghị (nêu rõ địa bàn, thời gian áp dụng)

Tổ chức đăng ký
(Ký tên và đóng dấu)

Phần phụ lục:

a) Báo cáo kết quả khảo nghiệm;

b) Phiếu kết quả kiểm nghiệm;

c) Một số hình ảnh liên quan đến tiến bộ kỹ thuật.

Phụ lục 3. Mẫu nhận xét ứng dụng tiến bộ kỹ thuật

(Ban hành kèm theo Thông tư /2010/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

NHẬN XÉT
ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KỸ THUẬT

(Dùng cho tổ chức, cá nhân ứng dụng tiến bộ kỹ thuật)

I. Thông tin chung:

1. Tên tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học:

2. Tổ chức đăng ký:

2. Tổ chức, cá nhân ứng dụng:

3. Lý do ứng dụng:

3. Địa chỉ, thời gian, quy mô, phương pháp ứng dụng:

II. Nhận xét:

1. Hiệu quả kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường và vệ sinh an toàn thực phẩm

2. Khả năng phù hợp với yêu cầu sản xuất (cơ cấu cây trồng, mùa vụ; giảm mức độ nhiễm sâu bệnh; sản xuất sạch, thân thiện môi trường, thích ứng, né tránh điều kiện ngoại cảnh bất thuận, có tính cạnh tranh cao hơn, bảo vệ sức khỏe con người, phát triển ngành nghề truyền thống...).

III. Kết luận

1. Ưu điểm, tồn tại của tiến bộ kỹ thuật

2. Tiềm năng phát triển vào sản xuất của tiến bộ kỹ thuật

Xác nhận	**Tổ chức, cá nhân nhận xét** *(Ký tên)*

Phụ lục 4. Mẫu phiếu nhận xét hồ sơ đăng ký công nhận tiến bộ kỹ thuật

(Ban hành kèm theo Thông tư /2010/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
HỘI ĐỒNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ/ TỔ CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ TIẾN BỘ KỸ THUẬT	*Hà Nội, ngày.... tháng... năm 20...*

NHẬN XÉT
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ CÔNG NHẬN
TIẾN BỘ KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SINH HỌC

I. Những thông tin chung

1. Tên tiến bộ kỹ thuật:
2. Tổ chức đăng ký
3. Họ và tên người nhận xét

II. Nội dung đánh giá

1. Mức độ đầy đủ của hồ sơ
2. Sự cần thiết của tiến bộ kỹ thuật đăng ký công nhận
3. Nội dung của tiến bộ kỹ thuật
4. Giá trị khoa học
5. Hiệu quả kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường và vệ sinh an toàn thực phẩm
6. Khả năng phù hợp với yêu cầu sản xuất (cơ cấu cây trồng, mùa vụ; giảm mức độ nhiễm sâu bệnh; sản xuất sạch, thân thiện môi trường, thích ứng, né tránh điều kiện ngoại cảnh bất thuận, có tính cạnh tranh cao hơn, bảo vệ sức khỏe con người, phát triển ngành nghề truyền thống...).

III. Kết luận

1. Ưu điểm, tồn tại của tiến bộ kỹ thuật
2. Tiềm năng phát triển vào sản xuất của tiến bộ kỹ thuật

IV. Kiến nghị

Đồng ý/Không đồng ý công nhận tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học:

Địa bàn áp dụng:

Điều kiện áp dụng:

Kiến nghị khác (nếu có)

Người đánh giá
(Họ tên và chữ ký)

Phụ lục 5. Mẫu biên bản họp Tổ chuyên gia

(Ban hành kèm theo Thông tư /2010/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỔ CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ TIẾN BỘ KỸ THUẬT	*Hà Nội, ngày tháng năm 200*

BIÊN BẢN HỌP TỔ CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ CÔNG NHẬN TIẾN BỘ KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SINH HỌC

I. Thông tin chung

1. Tên tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học:

2. Tên tổ chức đăng ký:

3. Quyết định thành lập Tổ chuyên gia số KHCN ngày tháng năm 20

4. Số thành viên có mặt trên tổng số thành viên

Vắng mặt:..... người, gồm các thành viên:

5. Khách mời tham dự cuộc họp

6. Địa điểm và thời gian họp Tổ chuyên gia

II. Nội dung phiên họp

1. Các chuyên gia phản biện đọc bản nhận xét hồ sơ đăng ký (nhận xét kèm theo).

2. Tổ chuyên gia thảo luận về hồ sơ đăng ký và nội dung tiến bộ kỹ thuật (ý kiến đánh giá của các thành viên Tổ chuyên gia kèm theo).

3. Tổ chuyên gia bỏ phiếu kín đánh giá hồ sơ đăng ký kết quả như sau:

Công nhận Phiếu; Không công nhận Phiếu

Phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký của các thành viên Tổ chuyên gia kèm theo.

III. Kết luận và kiến nghị của Tổ chuyên gia

1. Kết luận

Đồng ý/Không đồng ý công nhận tiến bộ kỹ thuật:

2. Kiến nghị

Địa bàn áp dụng:

Điều kiện áp dụng:

Kiến nghị khác (nếu có)

Tổ chuyên gia đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT xem xét công nhận..... ..... là tiến bộ kỹ thuật được phép áp dụng trong sản xuất./.

THƯ KÝ TỔ CHUYÊN GIA *(Họ, tên và chữ ký)*	**TỔ TRƯỞNG TỔ CHUYÊN GIA** *(Họ, tên và chữ ký)*

Phụ lục 6. Mẫu biên bản họp Hội đồng

(Ban hành kèm theo Thông tư /2010/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
HỘI ĐỒNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ ĐÁNH GIÁ TIẾN BỘ KỸ THUẬT	*Hà Nội, ngày tháng năm 20*

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ CÔNG NHẬN TIẾN BỘ KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SINH HỌC

I. Thông tin chung

1. Tên tiến bộ kỹ thuật công nghệ công nghệ sinh học:
2. Tổ chức đăng ký:
3. Quyết định thành lập Hội đồng số KHCN ngày tháng năm 20
4. Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên

Vắng mặt:..... người, gồm các thành viên:

5. Khách mời tham dự Hội đồng
6. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng:

II. Nội dung phiên họp

1. Hội đồng nghe đại diện Tổ chức đăng ký báo cáo tóm tắt nội dung tiến bộ kỹ thuật.
2. Các chuyên gia phản biện đọc bản nhận xét hồ sơ đăng ký (nhận xét kèm theo).
3. Hội đồng đã nêu câu hỏi đối với Tổ chức đăng ký về các vấn đề liên quan đến tiến bộ kỹ thuật.
4. Đại diện Tổ chức đăng ký trả lời các câu hỏi của thành viên hội đồng (câu hỏi và trả lời văn bản đính kèm).
5. Hội đồng thảo luận về hồ sơ đăng ký, nội dung tiến bộ kỹ thuật và bầu ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

Trưởng ban

Ủy viên:

6. Hội đồng bỏ phiếu kín đánh giá hồ sơ đăng ký kết quả như sau:

Công nhận Phiếu; Không công nhận Phiếu

Kết quả kiểm phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký trong biên bản kiểm phiếu kèm theo.

III. Kết luận và kiến nghị của Hội đồng

1. Kết luận

Đồng ý/Không công nhận tiến bộ kỹ thuật:

2. Kiến nghị

Địa bàn áp dụng:

Điều kiện áp dụng:

Kiến nghị khác (nếu có)

Hội đồng đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét công nhận..... ..... tiến bộ kỹ thuật được phép áp dụng trong sản xuất./.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG	**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**
(Họ, tên và chữ ký)	*(Họ, tên và chữ ký)*